

**DANH SÁCH CÁC HỘ NẪM TRONG MẢNH TRÍCH ĐO BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH THU HỒI ĐẤT THUỘC ĐỊA GIỚI PHƯỜNG KIẾN HƯNG  
DỰ ÁN THÀNH PHẦN 1.1: BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN GPMB TRÊN ĐỊA BÀN CÁC PHƯỜNG  
KIẾN HƯNG, PHÚ LƯƠNG THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3,5 ĐOẠN TỪ PHÚC LA - VĂN PHÚ ĐẾN CAO  
TỐC PHÁP VÂN - CẦU GIẾ (ĐỢT 1 - HTXDVTH ĐA SỸ VÀ MẬU LƯƠNG)**

(Kèm theo Thông báo số

/TB-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của UBND phường Kiến Hưng)

STT	Họ và tên	Đội SX	Tổ dân phố	Theo hồ sơ cấp giấy CN QSD đất		Theo mảnh bản đồ thu hồi đất		Diện tích (m <sup>2</sup> )	DT thu hồi vào DA (m <sup>2</sup> )	DT còn lại (m <sup>2</sup> )	Xứ đồng	HTX DVTH
				Tờ BD	Số thửa	Tờ BD thu hồi đất	Số thửa					
1	Hoàng Văn Nhiên - đã chết con là Hoàng Văn Tuấn	4	5	13	298	5	17	170,3	170,3	0,0	Vĩ Ruồi	Đa Sỹ
2	Nguyễn Đức Hải		8	13	340	5	16	233,0	233,0	0,0	Vĩ Ruồi	Đa Sỹ
3	Lê Văn Tuyển (ô Mơ)		8	13	341d	5	15	233,0	233,0	0,0	Cửa Vi Ruồi	Đa Sỹ
4	Hoàng Thị Lan (Hiển)		8	13	341c	5	14	224,0	224,0	0,0	Vĩ Ruồi	Đa Sỹ
5	Lê Văn Khoa (bà Tóc)		8	13	341	5	13	233,0	233,0	0,0	Cửa Vi Ruồi	Đa Sỹ
6	Hoàng Thị Hứa (dung huynh)		7	13	341a	5	12	112,0	112,0	0,0	Vĩ Ruồi	Đa Sỹ
7	Nguyễn Thị Xuân (Nguyên)		8	13	369	5	11	336,0	327,4	8,6	Vĩ Ruồi	Đa Sỹ
8	Hoàng Thị Thu		8	13	344	5	1	388,0	14,4	373,6	Vĩ Ruồi	Đa Sỹ
9	Trịnh Thị Lộc (nghĩa)		8	13	342B	5	3	23,0	23,0	0,0	Vĩ Ruồi	Đa Sỹ
10	Nghiêm Thị Huyền		8	13	342a	5	2	138,0	30,8	107,2	Vĩ Ruồi	Đa Sỹ
11	Hộ bà Lê Thị Hiệp		8	13	342	5	4	227,0	144,2	82,8	Vĩ Ruồi	Đa Sỹ

STT	Họ và tên	Đội SX	Tổ dân phố	Theo hồ sơ cấp giấy CN QSD đất		Theo mảnh bản đồ thu hồi đất		Diện tích (m2)	DT thu hồi vào DA (m2)	DT còn lại (m2)	Xứ đồng	HTX DVTH
				Tờ BD	Số thửa	Tờ BD thu hồi đất	Số thửa					
12	Nguyễn Thị Nga (Phúc) đã chuyển nhượng cho Nguyễn Văn Tuyền		8	13	305	5	5	208,2	196,8	11,4	Vĩ Ruồi	Đa Sỹ
13	Hộ bà Trịnh Thị Minh		8	13	304	5	6	125,2	125,2	0,0	Vĩ Ruồi	Đa Sỹ
14	Nguyễn Thị Thanh Huyền		8	13	301	5	7	44,0	44,0	0,0	Vĩ Ruồi	Đa Sỹ
15	Hộ ông Nguyễn Văn Trường	1	2	18	290	14	19	225,0	7,8	217,2	Đông Tráng	Đa Sỹ
16	Hộ bà Nghiêm Thị Thu	3	2	18	291	14	18	178,0	23,7	154,3	Đông Tráng	Đa Sỹ
17	Lê Văn Thành	3	7	18	291a	14	17	56,7	12,2	44,5	Đông Tráng Trên	Đa Sỹ
18	Hộ bà Cảnh Thị Nhân	3	5	18	292	14	16	103,9	29,5	74,4	Đông Tráng	Đa Sỹ
19	Hộ bà Lê Thị Chính	3	5	18	293	14	15	139,5	56,5	83,0	Đông Tráng	Đa Sỹ
20	Hộ bà Lê Thị Thái	3	7	18	293a	14	14	119,3	64,6	54,7	Đông Tráng	Đa Sỹ
21	Hộ ông Nguyễn Tiến Hỷ	3	7	18	293b	14	13	86,3	56,9	29,4	Đông Tráng	Đa Sỹ
22	Hộ ông Hoàng Văn Nội	3	6	18	293c	14	12	39,8	29,3	10,5	Đông Tráng	Đa Sỹ
23	Hộ ông Hoàng Văn Đước (Kim)	3	7	18	293d	14	11	119,4	100,2	19,2	Đông Tráng	Đa Sỹ
24	Hộ bà Hoàng Thị Minh (Cương)	3	2	18	294	14	10	25,0	23,4	1,6	Đông Tráng	Đa Sỹ
25	Hộ ông Nguyễn Văn Hưng (Thoa)	3	5	18	295D	14	9	51,4	50,6	0,8	Đông Tráng	Đa Sỹ

STT	Họ và tên	Đội SX	Tổ dân phố	Theo hồ sơ cấp giấy CN QSD đất		Theo mảnh bản đồ thu hồi đất		Diện tích (m2)	DT thu hồi vào DA (m2)	DT còn lại (m2)	Xứ đồng	HTX DVTH
				Tờ BD	Số thửa	Tờ BD thu hồi đất	Số thửa					
26	Hộ ông Trịnh Văn Bình	3	5	18	295a	14	8a	20,4	20,4	0,0	Đông Tráng	Đa Sỹ
27	Hộ bà Hoàng Thị Yến (Hùng)	3	7	18	295b	14	8	29,4	29,4	0,0	Đông Tráng	Đa Sỹ
28	Hộ bà Hoàng Thị Ngữ	3	5	18	295c	14	7	29,4	29,4	0,0	Đông Tráng	Đa Sỹ
29	Hộ ông Hoàng Chí Thành - (ông Thành đã chết), Đại diện là bà Hoàng Thị Khánh	2	4	18	296	14	6	322,3	322,3	0,0	Đông Tráng	Đa Sỹ
30	Lê Văn Phong	2	6	18	301	14	5	160,6	160,6	0,0	Đông Tráng	Đa Sỹ
31	Hộ ông Lê Văn Hiến	2	6	18	301A	14	4	160,6	160,6	0,0	Đông Tráng Trên	Đa Sỹ
32	Hộ bà Nguyễn Thị Sấn	2	5	18	301B	14	3	109,0	109	0,0	Đông Tráng	Đa Sỹ
33	Hộ ông Hoàng Văn Dân	2	5	18	301C	14	2	109,0	109	0,0	Đông Tráng	Đa Sỹ
34	HTX			18	604	14	1	249,6	249,6	0,0	Đông Tráng	Đa Sỹ
35	Hộ bà Hoàng Thị Lan (Cót)	1	8	19	495	15	22	18,4	18,4	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ
36	Hộ ông Hoàng Văn Thái (Sinh)	1	8	19	495A	15	21	43,8	43,8	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ
37	Hộ Nguyễn Văn Báu (Len)	1	8	19	495B	15	20	44,0	44,0	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ
38	Hộ bà Hoàng Thị Hiền	1	2	19	495C	15	19	32,9	32,9	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ
39	Hộ bà Hoàng Thị Bảo	1	2	19	495D	15	18	33,0	33,0	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ
40	Hộ bà Lê Thị Hằng	1	2	19	495E	15	17a	27,8	27,8	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ

STT	Họ và tên	Đội SX	Tổ dân phố	Theo hồ sơ cấp giấy CN QSD đất		Theo mảnh bản đồ thu hồi đất		Diện tích (m2)	DT thu hồi vào DA (m2)	DT còn lại (m2)	Xứ đồng	HTX DVTH
				Tờ BD	Số thửa	Tờ BD thu hồi đất	Số thửa					
41	Hộ bà Hoàng Thị Hồng (Hậu)	1	8	19	495F	15	17	66,2	66,2	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ
42	Trịnh Thị Liên (Chiến)	2	5	19	496	15	27	237,0	237,0	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ
43	Hộ ông Hoàng Văn Tuấn (Chung)	2	5	19	496A	15	26	118,0	118,0	0,0	Đông Tráng	Đa Sỹ
44	Hộ ông Nghiêm Văn Mạnh	2	2	19	496B	15	25	118,0	118,0	0,0	Đông Tráng	Đa Sỹ
45	Hộ bà Hoàng Thị Thuận (Tuyến)	2	2	19	496C	15	24	118,0	118,0	0,0	Đông Tráng	Đa Sỹ
46	Hộ bà Trịnh Thị Hoa (Việt)		2	19	496D	15	23	118,0	118,0	0,0	Đông Tráng	Đa Sỹ
47	HTX			19	467M	15		1.110,6	110,6	1.000,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ
48	Hộ bà Hoàng Thị Hà (Thắng)	1	4	19	495G	15	16	66,2	66,2	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ
49	Hộ bà Nguyễn Thị Chiến (Tráng)	1	2	19	495H	15	15	66,2	66,2	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ
50	Hộ bà Nguyễn Thị Bé (Ao)	1	3	19	495K	15	14	66,0	66,0	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ
51	Hộ bà Hoàng Thị Sinh (Tung)	1	3	19	467L	15	13	252,0	252,0	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ
52	Hộ bà Hoàng Thị Ân (bà Ân-đã chết), đại diện là ông Nguyễn Văn Tuyết	1	3	19	467K	15	12	29,0	29,0	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ

STT	Họ và tên	Đội SX	Tổ dân phố	Theo hồ sơ cấp giấy CN QSD đất		Theo mảnh bản đồ thu hồi đất		Diện tích (m <sup>2</sup> )	DT thu hồi vào DA (m <sup>2</sup> )	DT còn lại (m <sup>2</sup> )	Xứ đồng	HTX DVTH
				Tờ BD	Số thửa	Tờ BD thu hồi đất	Số thửa					
53	Hộ bà Ngô Thị Hằng	1	3	19	467H	15	11	97,0	97,0	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ
54	Hộ ông Nguyễn Văn Khả	1	8	19	467G	15	10	126,0	126,0	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ
55	Hộ ông Nguyễn Văn Thành	1	4	19	467F	15	9	132,0	132,0	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ
56	Hộ bà Bùi Thị Ngân - đã chết con Nguyễn Văn Mạnh	1	5	19	467E	15	8	120,0	120,0	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ
57	Nguyễn Thị Kim Thoa	1	2	19	467D (SMK 467M1)	15	7	238,0	238,0	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ
58	Hộ ông Nguyễn Văn Lâm	1	4	19	467	15	6	119,0	119,0	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ
59	Hộ bà Nguyễn Thị Hồng Ánh	1	4	19	467B	15	5	119,0	119,0	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ
60	Hộ bà Hoàng Thị Độ (Be)	1	3	19	467A	15	4	119,0	119,0	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ
61	Hộ ông Hoàng Văn Lập	1	3	19	467C	15	3	116,2	116,2	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ
62	HTX			19	424D	15	2	137,2	137,2	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ
63	Hộ bà Nguyễn Thị Chi	4	6	19	424C	15	1	241,6	241,6	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ
64	Hộ ông Lê Văn Cân (đã chết), đại diện là ông Lê Văn Bằng	4	6	19	424A	12	9	241,6	241,6	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ
65	Hộ ông Nguyễn Văn Trường (Hoa)	4	6	19	424	12	8	241,6	241,6	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ
66	Hộ ông Nguyễn Văn Vi	4	8	19	423	12	7	241,6	241,6	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ

STT	Họ và tên	Đội SX	Tổ dân phố	Theo hồ sơ cấp giấy CN QSD đất		Theo mảnh bản đồ thu hồi đất		Diện tích (m2)	DT thu hồi vào DA (m2)	DT còn lại (m2)	Xứ đồng	HTX DVTH
				Tờ BD	Số thửa	Tờ BD thu hồi đất	Số thửa					
67	Hộ ông Hoàng Văn Vui	4	7	19	422	12	6	95,0	95,0	0,0	Đông Tráng	Đa Sỹ
68	Hộ ông Hoàng Văn Lợi (đã chết) - đại diện là ông Hoàng Văn Vui	4	7	19	421C	12	5	95,0	95,0	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ
69	Ông Hoàng Văn Đức	4	4	19	421B	12	4	170,7	170,7	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ
70	Hộ bà Nguyễn Thị Hiền (Phúc)	4	7	19	421A	12	3	100,7	100,7	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ
71	Hộ ông Nguyễn Duy Sáng	4	6	19	421	12	2	100,8	100,8	0,0	Đông Tráng Cù	Đa Sỹ
72	HTX ( NTS)					12	1	739,1	739,1	0,0	Đông Tráng Trên	Đa Sỹ
73	Bà Bùi Thị Kim, là người đại diện cho hộ ông Nguyễn Đình Tuyền - đã chết		12	23	67+68	16	44	395,0	395	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
74	Ông Lê Trọng Hậu		11	23	69	16	46	155,0	155	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
75	Ông (bà) Lê Trọng Giáp - Lưu Thị Bích		11	23	69A	16	45	240,0	240	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
76	Ông Nguyễn Văn Sang		12	23	70	16	43	176,0	176	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
77	Bà Nguyễn Thị Hà		12	23	70A	16	42	352,0	352	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
78	Bà Lê Thị Hoa, đại diện cho hộ bà Lê Thị Nụ - đã chết		12	23	71A	16	41	461,0	461	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương

STT	Họ và tên	Đội SX	Tổ dân phố	Theo hồ sơ cấp giấy CN QSD đất		Theo mảnh bản đồ thu hồi đất		Diện tích (m2)	DT thu hồi vào DA (m2)	DT còn lại (m2)	Xứ đồng	HTX DVTH
				Tờ BD	Số thửa	Tờ BD thu hồi đất	Số thửa					
79	Hộ bà Nguyễn Thị Sức		13	23	71	16	40	593,0	593	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
80	Lê Văn Cương		11	23	73	16	37	350,0	350	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
81	Ông Dương Văn Hoàn		9	23	82	16	39	360,0	360	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
82	Bà Nguyễn Thị Tú		9	23	39	16	36	100,0	100	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
83	Bà Nguyễn Thị Vân		9	23	39a	16	35	100,0	100	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
84	Bà Nguyễn Thị Oanh		9	23	40	16	34	205,0	205	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
85	Bà Nguyễn Thị Dự		12	23	40a	16	33	270,0	270	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
86	Ông Nguyễn Đức Triệu (đã chết), người đại diện là bà Nguyễn Thị Oanh		9	23	40b	16	32	25,0	25	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
87	Bà Nguyễn Thị Lan Anh		11	23	77	17	42	100,0	100	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
88	Văn Thị Ngân		9	23	77A	17	41	250,0	250	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
89	Bà Vũ Thị Hiện		9	23	42	17	40	194,0	194	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
90	Nghiêm Thị Đông		9	23	42A	17	38	194,0	194	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
91	Ông Bùi Thanh Tùng		9	23	42B	17	37	69,0	69	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
92	Ông Nguyễn Phương Nam		9	23	42C	17	36	131,0	131	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
93	Bà Lê Hoài Thu		9	23	42D	17	35	160,0	160	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương

STT	Họ và tên	Đội SX	Tổ dân phố	Theo hồ sơ cấp giấy CN QSD đất		Theo mảnh bản đồ thu hồi đất		Diện tích (m2)	DT thu hồi vào DA (m2)	DT còn lại (m2)	Xứ đồng	HTX DVTH
				Tờ BD	Số thửa	Tờ BD thu hồi đất	Số thửa					
94	Nguyễn Đình Thắng		11	23	43	17	30	57,0	57	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
95	Hộ ông Nguyễn Đình Chiến		9	23	43A	17	31	79,0	79	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
96	Hộ bà Lê Thị Sớm		9	23	43B	17	32	84,0	84	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
97	Hộ bà Nguyễn Thị Phương		9	23	43C	17	33	97,0	97	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
98	Hộ bà Nguyễn Thị Ánh		9	23	43D	17	34	43,0	43	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
99	Hộ bà Lê Thị Thơ ( Huệ)		9	23	80	17	29	180,0	180	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
100	Bà Nguyễn Thị Yên		9	23	72	17	28	180,0	180	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
101	Bà Nguyễn Thị Phương (Huấn)		9	24	5C	17	26	90,0	90	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
102	Ông Bùi Văn Lạc		9	24	5	17	20	133,0	133	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
103	Ông Nguyễn Đức Kiểm		11	24	5A	17	19	81,0	81	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
104	Bà Hoàng Thị Hạnh		9	24	5B	17	18	53,0	53	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
105	Hộ bà Bùi Thị Thủy		11	24	5D	17	25	56,0	56	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
106	Hộ ông Bùi Văn Liễu		9	24	5F	17	27	91,0	71,4	19,6	Đìa Xa	Mậu Lương
107	Ông Bùi Văn Huân		11	24	5E	17	24	77,0	41,5	35,5	Đìa Xa	Mậu Lương

STT	Họ và tên	Đội SX	Tổ dân phố	Theo hồ sơ cấp giấy CN QSD đất		Theo mảnh bản đồ thu hồi đất		Diện tích (m2)	DT thu hồi vào DA (m2)	DT còn lại (m2)	Xứ đồng	HTX DVTH
				Tờ BD	Số thửa	Tờ BD thu hồi đất	Số thửa					
108	Bà Nguyễn Thị Hà		9	24	67	17	17	129,0	119,9	9,1	Đìa Xa	Mậu Lương
109	Ông Bùi Văn Thông		9	24	67A	17	16	91,0	71,4	19,6	Đìa Xa	Mậu Lương
110	Bà Nguyễn Thị Thanh		9	24	67B	17	15	77,0	41,5	35,5	Đìa Xa	Mậu Lương
111	Hộ bà Nguyễn Thị Xuyên		9	24	67C	17	23	53,0	53,0	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
112	Bà Nguyễn Thị Hương (Nhờ)		9	24	67D	17	22	48,0	48,0	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
113	Hoàng Thị Kim Yên		9	24	67E	17	21	101,0	101,0	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
114	Bà Nguyễn Thị Hải Hường		9	24	68C	17	43	360,0	360	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
115	Hộ ông Lê Văn Cầu		9	24	68B	17	44	168,0	168	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
116	Hộ bà Nguyễn Thị Phương		9	24	68A	17	45	168,0	168	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
117	Bà Bùi Thị Hiền		2	24	68	17	46	192,0	162	30,0	Đìa Xa	Mậu Lương
118	Bùi Thị Thùy		11	23	87	17	47	360,0	360	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
119	Nguyễn Đức Đạt		11	23	86	17	48	324,0	324	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
120	Hộ bà Lê Thị Hằng		10	23	85	17	49	360,0	360	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
121	Nghiêm Thị Đông		9	23	84A	17	50	154,0	154	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương

STT	Họ và tên	Đội SX	Tổ dân phố	Theo hồ sơ cấp giấy CN QSD đất		Theo mảnh bản đồ thu hồi đất		Diện tích (m2)	DT thu hồi vào DA (m2)	DT còn lại (m2)	Xứ đồng	HTX DVTH
				Tờ BD	Số thửa	Tờ BD thu hồi đất	Số thửa					
122	Bà Vũ Thị Hiện		9	23	84	17	51	154,0	154	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
123	Ông Bùi Cao Đại		9	23	83	16	38	360,0	360	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
124	Hộ ông Lê Trọng Trọng		13	19	518c	16	4	44,6	44,6	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
125	Hộ bà Nguyễn Thị Hoa		13	19	518d	16	3	124,0	88,3	35,7	Đìa Xa	Mậu Lương
126	Ông Nguyễn Văn Khánh		12	19	519b	16	2	124,0	47,9	76,1	Đìa Xa	Mậu Lương
127	Hộ ông Nguyễn Du Huynh		12	19	519c	16	1	285,9	11,6	274,3	Đìa Xa	Mậu Lương
128	Hộ ông Nguyễn Văn Cửu		12	19	548B	16	6	577,0	43,6	533,4	Đìa Xa	Mậu Lương
129	Ông Nguyễn Văn Nhật		12	19	548C	16	7	201,4	135,7	65,7	Đìa Xa	Mậu Lương
130	Ông Nguyễn Duy Khoát		12	19	548A	16	8	420,0	418,7	1,3	Đìa Xa	Mậu Lương
131	Bà Nguyễn Thị Kim Anh		9	19	548	16	8a	99,9	99,9	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
132	Bà Trịnh Thị Gòong		13	19	549	16	12	391,6	391,6	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
133	Ông Lê Trọng Sáng, là người đại diện hộ Lê Trọng Thiệp - đã chết		12	19	549A	16	11	517,4	517,4	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
134	Nguyễn Văn Thanh		12	19	549B	16	10	480,0	303,6	176,4	Đìa Xa	Mậu Lương

STT	Họ và tên	Đội SX	Tổ dân phố	Theo hồ sơ cấp giấy CN QSD đất		Theo mảnh bản đồ thu hồi đất		Diện tích (m2)	DT thu hồi vào DA (m2)	DT còn lại (m2)	Xứ đồng	HTX DVTH
				Tờ BD	Số thửa	Tờ BD thu hồi đất	Số thửa					
135	Hộ bà Lê Thị Tuyết (Xế)		9	19	549F	16	9	207,0	12,7	194,3	Đìa Xa	Mậu Lương
136	Ông Bùi Văn Hải		9	23	32K	17	2	58,0	1,6	56,4	Đìa Xa	Mậu Lương
137	Bà Nguyễn Thị Chung (Định)		9	23	32H	17	3	34,0	1,5	32,5	Đìa Xa	Mậu Lương
138	Bà Nguyễn Thị Hạnh (Tuấn)		9	23	32G	17	4	45,0	2,5	42,5	Đìa Xa	Mậu Lương
139	Hộ Nguyễn Thị Thoa (Phượng)		9	23	32F	17	5	79,0	6	73,0	Đìa Xa	Mậu Lương
140	Bà Lê Thị Oanh (Thái)		9	23	32E	17	6	137,0	15,3	121,7	Đìa Xa	Mậu Lương
141	Bà Nguyễn Thị Thanh (Hoàn)		10	23	32D	17	7	137,0	21,5	115,5	Đìa Xa	Mậu Lương
142	Ông Bùi Ngọc Dur		9	23	32C	17	8	58,0	10,9	47,1	Đìa Xa	Mậu Lương
143	Lê Đình Thức (đã chết), người đại diện là ông Lê Đình Thành		9	23	32B	17	9	288,0	71,3	216,7	Đìa Xa	Mậu Lương
144	Bà Nguyễn Hương Giang		9	23	32A	17	10	144,0	46,1	97,9	Đìa Xa	Mậu Lương
145	Bà Lê Thị Phương Liên		10	23	32	17	11	360,0	146,1	213,9	Đìa Xa	Mậu Lương
146	Bà Bùi Thị Ninh		12	23	30	17	12	360,0	190,8	169,2	Đìa Xa	Mậu Lương
147	Hộ bà Dương Thị Gọn - đã chết, người đại diện là bà Dương Thị Huyền		9	23	29	17	13	360,0	236,1	123,9	Đìa Xa	Mậu Lương

STT	Họ và tên	Đội SX	Tổ dân phố	Theo hồ sơ cấp giấy CN QSD đất		Theo mảnh bản đồ thu hồi đất		Diện tích (m <sup>2</sup> )	DT thu hồi vào DA (m <sup>2</sup> )	DT còn lại (m <sup>2</sup> )	Xứ đồng	HTX DVTH
				Tờ BD	Số thửa	Tờ BD thu hồi đất	Số thửa					
148	Bà Lê Thị Hiền		9	23	28A	16	14	240,0	182,6	57,4	Đìa Xa	Mậu Lương
149	Nguyễn Xuân Phương - Lê Thị Hằng Nga		6	23	28	16	15	120,0	99,6	20,4	Đìa Xa	Mậu Lương
150	Ông Nguyễn Đình Quang		9	23	27A	16	17	200,0	200	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
151	Bà Nguyễn Thị Hồng và Bà Nguyễn Thị Hà (ĐSD)		9	23	27	16	16	160,0	129	31,0	Đìa Xa	Mậu Lương
152	Nguyễn Công Dũng		9	23	26	16	18	60,0	60,0	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
153	Nguyễn Thị Ý - đã chết, người đại diện là bà Nguyễn Thị Hậu		9	23	26A	16	19	300,0	300	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
154	Lê Thị Thục (đã chết), người đại diện là ông Lưu Văn Toàn.		12	23	25	16	20	331,0	331	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
155	Nguyễn Văn Đăng		12	23	24	16	21	404,0	404	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
156	Bùi Văn Tước ( Túc)		12	23	22	16	22	367,0	367	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
157	Nguyễn Văn Được ( Côi)		12	23	21	16	23	404,0	404	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
158	Lê Thị Chua		12	23	21A	16	27	184,0	184	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
159	Bà Nguyễn Thị Thanh Nga		12	23	20A	16	28	238,0	238	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương

STT	Họ và tên	Đội SX	Tổ dân phố	Theo hồ sơ cấp giấy CN QSD đất		Theo mảnh bản đồ thu hồi đất		Diện tích (m <sup>2</sup> )	DT thu hồi vào DA (m <sup>2</sup> )	DT còn lại (m <sup>2</sup> )	Xứ đồng	HTX DVTH
				Tờ BD	Số thửa	Tờ BD thu hồi đất	Số thửa					
160	Hộ ông Nguyễn Văn Toàn		13	23	20	16	24	276,0	276	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
161	Nguyễn Công Thống		11	23	19A	16	25	149,2	149,2	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
162	Bà Nguyễn Thị Hạnh (Đàn)		12	23	19	16	26	144,0	144,0	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
163	Bà Hoàng Thị Gái, là người đại diện cho hộ ông Bùi Mạnh Thường - đã chết		12	23	19B	16	30	303,0	303	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
164	Bà Phan Thị Thu		12	23	19C	16	29	259,0	259	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
165	Hộ ông Nguyễn Đình Toại		12	23	67	16	47	395,0	395	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương
166	Hộ bà Trần Thị Thụy ( Dững)		12	23	67A	16	48	395,0	395	0,0	Đìa Xa	Mậu Lương